

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2009/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 24 tháng 4 năm 2009

NGHỊ QUYẾT
Về Tổ chức và chế độ phụ cấp
đối với lực lượng Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT-BXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Sau khi xem xét Tờ trình số 561/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2009 của UBND tỉnh về Tổ chức và chế độ phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1.** Ban hành quy định về tổ chức và chế độ phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố, như sau:**I. TỔ CHỨC BẢO VỆ DÂN PHỐ****1. Ban Bảo vệ dân phố**

Tổng số Ban bảo vệ dân phố: 23 Ban, được cơ cấu như sau:

a) Phường, thị trấn loại 1: Được bố trí 01 trưởng Ban, 02 phó trưởng Ban (Có 02 phường, 01 thị trấn);

b) Phường, thị trấn còn lại: Được bố trí 01 trưởng Ban, 01 phó trưởng Ban (11 phường, 9 thị trấn);

c) Số Ủy viên theo số lượng Tổ dân phố (Khu phố).

2. Tổ bảo vệ dân phố (Khu phố):

a) Tổ bảo vệ dân phố loại 1 (Trên 200 hộ đối với đồng bằng, trên 100 hộ đối với miền núi): Được bố trí 01 tổ trưởng (Do Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố đảm nhận), 03 - 04 tổ viên;

b) Tổ bảo vệ dân phố loại 2 (Trên 70 hộ đến 200 hộ đối với đồng bằng, trên 30 hộ đến 100 hộ đối với miền núi): Được bố trí 01 tổ trưởng (Do Ủy viên Ban bảo vệ dân phố đảm nhận), 01 - 03 tổ viên.

c) Tổ bảo vệ dân phố loại 3 (Có 70 hộ trở xuống đối với đồng bằng, 30 hộ trở xuống đối với miền núi): Được bố trí 01 tổ trưởng (Do Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố đảm nhận), 01 tổ viên.

Trường hợp khu phố có 30 hộ trở xuống đối với phường, thị trấn đồng bằng và dưới 20 hộ đối với phường, thị trấn miền núi thì chỉ bố trí 01 người bảo vệ dân phố do Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố đảm nhận.

3. Số lượng Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn: 913 người, trong đó:

a) Trưởng Ban Bảo vệ dân phố: 23 người;

b) Phó trưởng ban: 26 người (Có 02 phường, 01 thị trấn loại 1 được bố trí 02 Phó trưởng ban và 20 phường, thị trấn còn lại bố trí 01 Phó Trưởng Ban);

c) Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố: 214 người;

d) Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố: 650 người (Theo số hiện có).

II. VỀ MỨC PHỤ CẤP

1. Trưởng Ban Bảo vệ dân phố phường, thị trấn: 0,55/mức lương tối thiểu (297.000đồng/tháng).

2. Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố: 0,50/mức lương tối thiểu (270.000đồng/tháng).

3. Ủy viên kiêm Tổ trưởng Bảo vệ dân phố: 0,45/mức lương tối thiểu (243.000đồng/tháng).

4. Tổ viên Bảo vệ dân phố: 0,40/mức lương tối thiểu (216.000đồng/tháng).

5. Chế độ kiêm nhiệm:

a) Cán bộ chuyên trách, công chức phường, thị trấn được giao kiêm nhiệm các chức danh Trưởng Ban, Phó trưởng Ban, các ủy viên, Tổ viên Bảo vệ dân phố thì được hưởng thêm 30% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm cao nhất.

b) Cán bộ không chuyên trách phường, thị trấn, cán bộ khu phố được giao kiêm nhiệm các chức danh Trưởng Ban, Phó trưởng Ban, các ủy viên và Tổ viên Bảo vệ dân phố thì được hưởng thêm phụ cấp 50% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm cao nhất.

III. VỀ KINH PHÍ TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN, CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO VỆ DÂN PHỐ

Thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

Điều 2. Thời gian được hưởng phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố theo hệ số mức lương tối thiểu 540.000 đồng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009.

Từ ngày 01/01/2010, việc quyết định áp dụng mức lương tối thiểu do Chính phủ ban hành để tính phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn, tùy vào khả năng ngân sách của tỉnh, UBND tỉnh chủ động xây dựng phương án, xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh để quyết định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh và UBMTTQ Việt Nam tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2009./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Bá Nguyên